

I Lời nói đầu

“Danh mục gia phả lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam (DMGP)” là danh mục được biên soạn dựa trên các phiếu điều tra mà tác giả đã thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024. Trong thời gian này, tác giả đã trực tiếp tra cứu các gia phả (bao gồm cả bản sao chép và một số bản gốc) hiện đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN) và Thư viện Quốc gia Việt Nam (TVQGVN). Bài viết này sẽ trình bày phần giải thích về các gia phả cùng với danh mục này.

Tác giả đã biên soạn “DMGP” dựa trên tài liệu “Phả điệp được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (漢喃研究院所蔵の譜牒)” của Nguyễn Thị Oanh, nguyên nghiên cứu viên của VNCHN. Tài liệu này đã được Nakanishi Yuji (中西裕二) giới thiệu trong bài viết của mình về tình trạng không có gia phả ở Nam bộ [中西 2004: 39-47]. Cuối tài liệu “Phả điệp được lưu trữ tại VNCHN” có ghi chú bằng tiếng Trung rằng: “Bảng biểu này được soạn dựa trên Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu (越南漢喃遺産 - 書目提要).” Khi tác giả liên hệ với PGS.TS. Nguyễn Thị Oanh, bà cho biết bảng biểu này được bà chuẩn bị để trình bày tại hội thảo quốc tế tổ chức tại Đại học Sư phạm Thượng Hải (上海師範大学) vào năm 2001. “Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu (DSHN)” là một tài liệu gồm 3 tập do VNCHN xuất bản vào năm 1993 [Trần Nghĩa, François Gros 1993].

Trong luận văn thạc sĩ năm 2019 tại Khoa nghiên cứu Văn học, Sau đại học, Đại học Osaka (大阪大學大学院文学研究科), với đề tài “Nghiên cứu tư liệu gia phả Việt Nam đầu thế kỷ 19: Qua phân tích quá trình hình thành dòng họ Đoàn (19 世紀前半ベトナムの家譜史料の研究—段族のゾンホ形成過程を中心に),” tác giả đã phân tích khoảng 20 gia phả⁷ được cho là được biên soạn vào thời Gia Long và Minh Mệnh (1802-1840) hiện đang được lưu trữ tại VNCHN [趙浩衍 2020]. Trong quá trình đó, tác giả đã sử dụng tài liệu “Phả điệp được lưu trữ tại VNCHN” làm nguồn tham khảo, đồng thời bổ sung các gia phả lưu trữ tại TVQGVN để biên soạn “Danh mục tư liệu gia phả Việt Nam (ベトナム家譜史料の目録).”

Trong quá trình học tiếp cao học chương trình nghiên cứu sinh từ năm 2020, tác giả đã thử tra cứu các tư liệu của địa phương dựa trên danh mục này và tiến hành sửa đổi một số nội dung trong “DSHN.” Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, việc đến thư viện và thực địa tại Việt Nam đã không thể thực hiện được. Thay vào đó, tác giả đã giới thiệu về các xu hướng nghiên cứu

⁷ Đây là những tư liệu mà tác giả đã khảo sát và nghiên cứu khi đến Viện Nghiên cứu Hán Nôm vào mùa hè năm 2018 và 2019. Đặc biệt, năm 2018 là lần đầu tiên tác giả thực hiện nghiên cứu thực địa tại Việt Nam. Trong thời gian này, tác giả đã nhận được sự hỗ trợ to lớn từ Tiến sĩ Yoshikawa Kazuki (吉川和希), một tiền bối trong Phòng Nghiên cứu Lịch sử Phương Đông, Đại học Osaka (hiện là PGS. tại Đại học Kansai). Anh đã chia sẻ những kiến thức thực tế quý báu về cách liên hệ với các nhà nghiên cứu tại Việt Nam, thủ tục xin phép tra cứu tài liệu và phương pháp tiến hành khảo sát, hỗ trợ tác giả rất nhiều trong quá trình nghiên cứu. Nhân đây, tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Tiến sĩ Yoshikawa.

gia phả tại Nhật Bản cũng như đặc điểm của các gia phả được biên soạn vào thời Gia Long và Minh Mệnh cho giới học thuật Hàn Quốc. Nhân dịp này, “〈Tài liệu 1〉 Danh mục tư liệu gia phả Việt Nam (〈자료 1〉 베트남 자파 사료 목록)” đã được công bố [조호연 2021].

Năm 2023, tác giả chính thức bắt đầu thực hiện các cuộc khảo sát thực địa tại Việt Nam.⁸ Dựa trên những kết quả thu được, tác giả đã phát biểu tại Hội thảo Nghiên cứu Lịch sử Hiroshima (広島史学研究会) năm 2024 (ngày 27 tháng 10, Trường Đại học Hiroshima) và Hội thảo các nhà nghiên cứu Nhật Bản - Việt Nam (日本ベトナム研究会) năm 2024 (ngày 9 tháng 11, Trường Đại học công nghiệp Kyoto). Ngoài ra, trong luận án tiến sĩ được bảo vệ năm 2024 (Hội đồng chấm luận án: ngày 12 tháng 2 năm 2025) tại Đại học Osaka, với tiêu đề "Nghiên cứu gia phả Việt Nam thời cận thế (近世ベトナム家譜研究)," đã bao gồm phần diễn giải và danh mục của “DMGP” [趙浩衍 2025].

Mặt khác, từ tháng 6 năm 2023, tác giả cũng đã tham gia với tư cách là cộng tác viên nghiên cứu trong dự án nghiên cứu chung thuộc Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á (CSEAS) của Đại học Kyoto (Global Collaborative Research, GCR). Đề tài của dự án là “Làm sâu sắc thêm khái niệm ‘Con đường phát triển kiểu Đông Nam Á’ thông qua khả năng của FieldNote Archive: Trường hợp Nam Sulawesi, Indonesia (『東南アジア型発展経路』概念の深化に向けた FieldNote Archiveの可能性: インドネシア・南スラウェシを事例として)” (nghiên cứu chính: Ohashi Atsuko). Trong khuôn khổ hoạt động này, tác giả đã có cơ hội xuất bản “GCR Working Paper Series,” qua đó đưa “DMGP” trở thành một công trình hoàn chỉnh và được công bố.⁹

Trên đây là quá trình từ khi bắt đầu biên soạn cho đến khi xuất bản “DMGP.” Trong phần tiếp theo, tác giả sẽ giải thích ngắn gọn về quá trình sắp xếp và hệ thống hóa danh mục này. Khi biên soạn “DMGP,” tác giả trước tiên đã tổng hợp các đặc điểm của gia phả Việt Nam được đề cập tới trong các nghiên cứu trước đây [多賀 1960], [山本 1961], [Nguyễn Đức Dụ 1992], [末成 1995], [八尾 2009], và dựa vào đó để xây dựng “Phiếu khảo sát gia phả Việt Nam” [Hình 1]. Mặt sau của phiếu khảo sát được để trống nhằm ghi lại các thông tin như sơ đồ gia phả, năm sinh và năm mất, hỗ trợ cho việc xác định thời gian biên soạn và tác giả của gia phả [Hình 2].

⁸ Trong thời gian cư trú tại Việt Nam, tác giả thuộc Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội và đã tiến hành các cuộc khảo sát thực địa. Về việc xin visa, giấy giới thiệu và các thủ tục cần thiết cho việc nghiên cứu, tác giả đã nhận được sự hỗ trợ to lớn từ ThS. Đỗ Văn Kiên. Ngoài ra, trong quá trình tiếp cận tài liệu tại thư viện của VNCHN, tác giả đã nhận được sự hỗ trợ tận tình và chu đáo từ Viện trưởng Nguyễn Tuấn Cường, Phó Viện trưởng Vương Thị Hương, cùng các nghiên cứu viên của thư viện. Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với những sự giúp đỡ và hỗ trợ quý báu này.

⁹ Đề xuất này được đưa ra bởi GS. Ōno Mikiko (大野美紀子) của Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á, Đại học Kyoto. Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành tới GS. Ōhashi Atsuko (大橋厚子) đã đồng ý cho phép xuất bản danh mục này dưới dạng báo cáo làm việc (working paper) của GCR. Cuối cùng, tác giả cũng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới GS. Yanagisawa Masayuki (柳澤雅之) vì sự hỗ trợ quý báu trong việc hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép.

Ngoài ra, những nội dung mà tác giả quan tâm như hoạt động của các nho sĩ (phong thủy, giáo dục chữ Hán, y học) hay quyền và vai trò của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng làng xã, cũng được chép lại riêng biệt và ghi chép chi tiết nhất có thể. Sau đó, dựa trên nội dung phiếu khảo sát, tác giả đã nhập các dữ liệu về thời gian biên soạn, địa phương (cấp xã, huyện, tỉnh), tầng lớp xã hội, trình tự thế hệ (sắp xếp theo thứ tự từ thủy tổ hoặc thứ tự từ con cháu)... vào MS Excel. Đồng thời, các sơ đồ gia phả viết tay cũng được số hóa trên Excel [Hình 3].

Đặc biệt, liên quan đến thông tin về thời gian biên soạn, tài liệu “DSHN” và bản dịch tiếng Trung của nó là “Văn hiến Hán Nôm Việt Nam: Danh mục thư tịch (越南漢喃文獻目錄提要)” (gọi tắt là “VHHN”),¹⁰ chứa nhiều sai sót và thiếu sót. Tác giả đã tiến hành sửa đổi, bổ sung và cung cấp các chú thích chi tiết. Phần “II. Dẫn giải về “DMGP”” của bài viết này chủ yếu tập trung vào các nội dung liên quan đến thời gian biên soạn.

Cuối cùng, tác giả đã định nghĩa “gia phả” là: (1) tài liệu được biên soạn bởi những người tự nhận là hậu duệ của một dòng họ (bao gồm cả cháu ngoại); (2) với mục đích làm rõ mối liên hệ từ tổ tiên chung của dòng họ cho đến các thế hệ con cháu; (3) ghi chép bằng chữ Hán Nôm¹¹ các thông tin về gia hệ của tổ tiên (cha mẹ, anh chị em, vợ và chồng, con cháu), tiểu sử, giai thoại, ngày giỗ và phần mộ. Kết quả cho thấy, trong số 332 tài liệu: (1) 26 tài liệu không phù hợp với định nghĩa nêu trên. Mặc dù có tiêu đề là “Phả,” nhưng thực chất lại là văn tập, văn tế, hoặc gia quy trong dòng họ; (2) 11 tài liệu thuộc loại hình tư liệu cá nhân, như hành trạng, tiểu sử, hoặc đăng khoa lục (danh sách những người đỗ), không phải gia phả ghi chép từ tổ tiên chung; (3) 3 gia phả chỉ được viết bằng chữ Nôm, không sử dụng chữ Hán; (4) 21 tài liệu không thể tiếp cận để kiểm tra nội dung; (5) 33 bản sao chép trùng lặp, là các bản khác nhau của cùng một tài liệu. Như vậy, trong tổng số 332 tư liệu lưu trữ, tác giả đã phân loại được 238 tài liệu là “gia phả” theo định nghĩa trên, và 94 tài liệu không thuộc loại gia phả. Danh mục chi tiết của các tư liệu này được đưa vào phần “III. Bảng tóm tắt “DMGP””.¹²

Về cách định nghĩa, phân loại gia phả và ước tính niên đại biên soạn trong bài viết này, có khả năng sẽ xuất hiện những ý kiến trái chiều. Thậm chí, cần làm rõ lý do tại sao tác giả lại quyết định công bố dưới dạng bài báo cáo làm việc (working paper), mặc dù vẫn còn 21 tư liệu gia phả chưa thể tiếp cận.

Thứ nhất, cho đến nay, cả trong và ngoài Việt Nam, vẫn chưa có một danh mục hệ thống các gia

¹⁰ “VHHN” là một danh mục được biên soạn bằng cách dịch và bổ sung nội dung của “DSHN,” đồng thời phân loại tư liệu thành Tứ Bộ (四部): Kinh, Sử, Tử, Tập (經史子集). Trong “bộ Sử,” có một mục gọi là “Truyền ký (傳記),” mục này được chia thành các phân mục nhỏ bao gồm: “Tổng truyền (總傳),” “Biệt truyền (別傳),” “Thần tích (神跡),” “Phả điệp (譜牒),” và “Nhật ký (日記).” Trong đó, ở phân mục Phả điệp”, “VHHN” đã giới thiệu 265 loại tư liệu tương ứng với số thứ tự từ 1098 đến 1362 [劉春銀, 王小眉, 陳義 2002].

¹¹ Tức là các tư liệu chủ yếu được biên soạn bằng chữ Hán, có kèm theo một phần chữ Nôm.

¹² Tác giả đang chuẩn bị một bài nghiên cứu riêng để phân tích các trường hợp cụ thể và chi tiết các dữ liệu dựa trên danh mục.

phả nào được lưu trữ tại các cơ quan nghiên cứu hoặc văn khố, bao gồm cả VNCHN. Điều này liên quan mật thiết đến vấn đề định nghĩa gia phả, bởi ngay cả tại VNCHN, hiện vẫn chưa có một quan điểm chung cơ bản nào làm cơ sở cho các cuộc thảo luận về tổng số lượng gia phả đang được lưu trữ [Phạm Thị Thùy Vinh 2019], [マイ・トゥー・クイン 2024]. Vì vậy, việc xây dựng một danh mục và phân diễn giải làm cơ sở cho các cuộc thảo luận đã không được tiến hành trong thời gian dài, ngoại trừ bảng của Nguyễn Thị Oanh (tuy nhiên, bảng này dường như cũng không được chia sẻ trong VNCHN). Tác giả kỳ vọng rằng các ý kiến phản biện đối với định nghĩa và phương pháp phân loại của mình sẽ làm sôi động thêm các cuộc tranh luận trong tương lai.

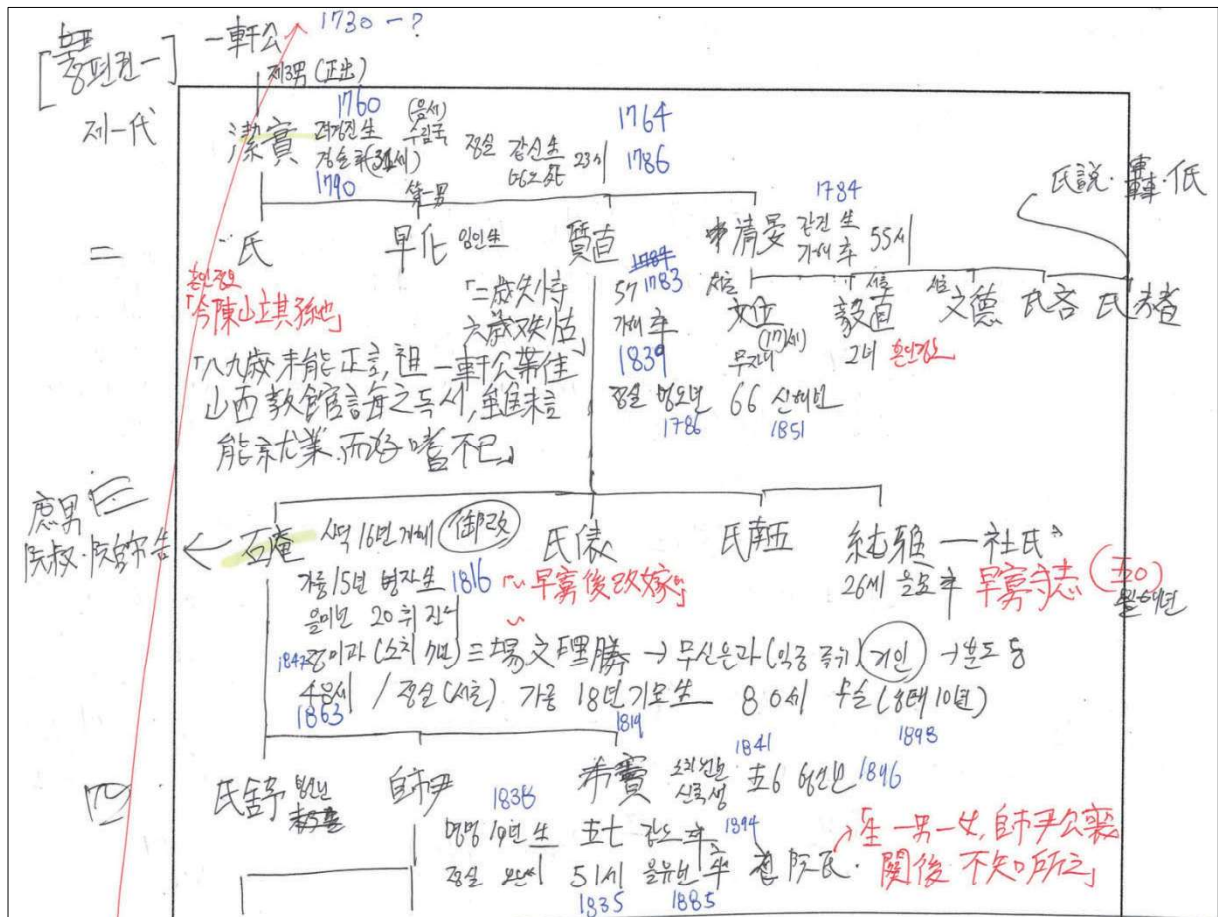
Thứ hai, việc biên soạn danh mục này là thành quả của quá trình nghiên cứu Hán Nôm được tích lũy qua nhiều năm, đồng thời cũng là một thành tựu của môi trường học thuật đã hỗ trợ và duy trì lĩnh vực nghiên cứu này. Danh mục này được hoàn thành là nhờ vào thành quả từ các công trình nghiên cứu trước đó như sách “DSHN” và “VHHN.” Quan trọng hơn cả, sự hợp tác từ VNCHN đã tạo điều kiện để tác giả có thể tự do tiếp cận tư liệu trong suốt một năm, góp phần quan trọng vào quá trình biên soạn. Đặc biệt, sự hiện diện của các nhà nghiên cứu thông thạo ngoại ngữ và am hiểu sâu sắc về tài liệu Hán Nôm tại thư viện đã đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoàn thành danh mục này. Đây được xem là một trong những thành quả của gần nửa thế kỷ thúc đẩy nghiên cứu Hán Nôm, kết hợp giữa “chữ Hán” - nền tảng chung của Đông Á, và “chữ Nôm” - nét độc đáo riêng của Việt Nam. Nỗ lực này bắt đầu từ việc thành lập Ban Hán Nôm vào năm 1970 thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội, tiền thân của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, và đạt được bước tiến quan trọng khi Viện Nghiên cứu Hán Nôm trở thành một đơn vị độc lập vào năm 1979 [Nguyễn Tuấn Cường 2017: 4-5]. Chính nhờ sự hợp tác và hỗ trợ to lớn này, tác giả đã quyết định công bố bài viết này.

Do đó, việc xuất bản danh mục này không chỉ cung cấp một nền tảng vững chắc để làm sâu sắc hơn các cuộc thảo luận về nghiên cứu gia phả, mà còn đánh dấu một bước đi đầu tiên quan trọng trong việc hệ thống hóa và chia sẻ những tư liệu này giữa các nhà nghiên cứu. Tác giả kỳ vọng rằng “DMGP” sẽ không chỉ góp phần thúc đẩy nghiên cứu gia phả và các tư liệu Hán Nôm, mà còn mở ra cơ hội hợp tác liên ngành trong tương lai.

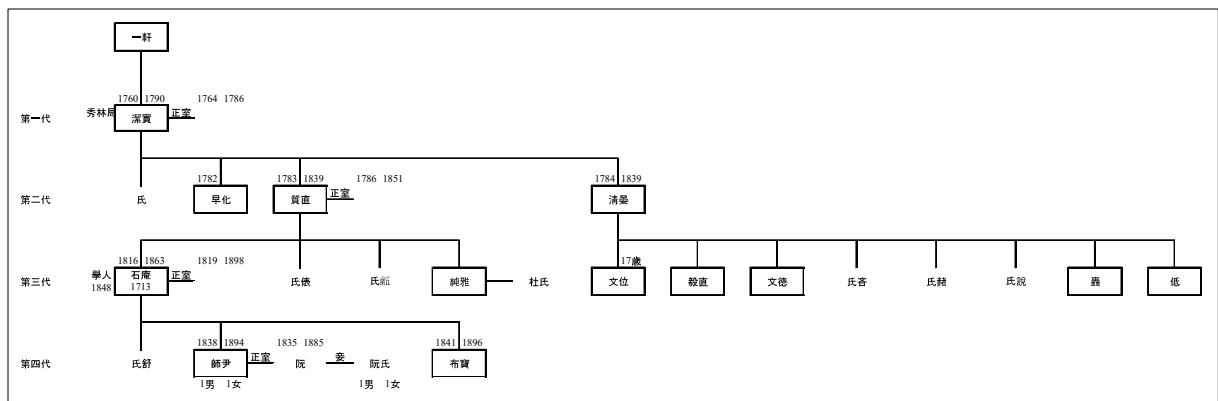
資料 Tài liệu

Phiếu khảo sát gia phả Việt Nam ベトナム家譜調査シート				作成日			
書名						名称	
記号							
提要							
編纂者							
出身地	本貫地					拓本 ○ / ×	
	居住地						
刊年					規格	尺度	
						頁数	
目次							
世代深度					世代表示	A / D	
始祖					時期		
立身祖					時期		
科挙合格					時期		
女性	妻記述法				嫡庶区分 区分方法	○ / ×	
	むすめ記載法						
	外家記載法						
祭祀	儀礼方法				支派表示		
	女性祭祀参加				忌日祭祀	○ / ×	
風水	逸話						
	理論						
備考							

[図 Hình 1] 「ベトナム家譜調査シート」



[圖 Hinh 2] [11] 『平望阮族乙派庶支譜』を基に作成した家系図の一部



	A	D	E	G	J	K	M	N	Q	R
1	通番	家譜	請求番号	成書 (Oain)	成書	年号単位	世代深度	黎朝科挙	人名	生没年
6	5	安泰武家実録続編	VHb.284	・	1840以降	明命	3	1787進士	武仲梓	1750~?
7	6	巴陵武族譜	A.1109	1757 1844	1913以降	成泰・維新	2(4)	1828秀才	武堯	1805~1862
8	7	拜恩阮族家譜	A.651	1705 1840	1840	明命	13	儒生中式	善政	未詳
9	8	鉢場社阮族家譜実録	VHv.1349	1686 1728	1728	永盛~永佑	6	1706進士	阮登蓮	1676~?
10	11	平望阮族乙派庶支譜	A.634	1907	1907	成泰・維新	4(5)	秀林局	潔寒	1760~1790
11	13	平望阮族丁派譜	A.1003	・	1904以降	成泰・維新	8	二場	慶節	1813~1887
12	14	平望陳氏家譜	A.979	1912	1912	成泰・維新	15(16)	1782庠生	福厚	1764~1829
13	16	蓬蒿社阮家譜誌	A.1457	1851	阮朝	/	16?	1765郷貢	伯琰	1740~1781

[圖 Hinh 3] [11] 『平望阮族乙派庶支譜』の家系図（上）とアクセルのデータ入力（下）